BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY, ĐỢT THÁNG 7 - NĂM 2020

Kèm theo Quyết định số: 1662/QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1	155D3201010016	ĐINH THÙY	LINH	21/07/1997	Nữ	Khá	Báo chí
2	155D3201010042	TRẦN MINH	TRÍ	20/05/1997	Nam	Khá	Báo chí
3	165TDV400492	TRẦN THỊ KHÁNH	LY	04/07/1998	Nữ	Khá	Chính trị học
4	155D5103010061	PHAN ĐÌNH	BÌNH	22/05/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
5	155D5103017001	Khamnoup	Bounmixay	27/10/1994	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
6	155D5103010013	NGUYỄN HỮU	CƯỜNG	02/02/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
7	155D5103010093	LÊ XUÂN	HOÀNG	15/02/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
8	155D5103010089	TRẦN ĐĂNG	HOÀNG	20/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
9	145D5103010092	Phan Mạnh	Hùng	07/03/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
10	155D5103010005	ĐOÀN ĐÌNH	HƯNG	17/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
11	145D5103010017	Khương Thế	Linh	04/11/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
12	155D5103010064	CAO VĂN	LƯƠNG	06/02/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
13	155D5103010017	NGUYỄN VĂN	MẠI	30/09/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
14	155D5103010050	NGUYỄN VĂN	PHÁP	20/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
15	155D5103010010	VŨ VĂN	PHI	25/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
16	155D5103010051	TRƯƠNG BÁ	PHỤNG	11/05/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
17	155D5103010074	PHAN ĐÌNH	SỬU	02/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
18	155D5103010092	Nguyễn Văn	Tâm	14/11/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
19	155D5103010036	NGUYỄN VĂN	THẮNG	15/10/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
20	155D5103010071	PHẠM VIẾT	THÀNH	14/10/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
21	155D5103010007	TRẦN VĂN	TRUNG	06/06/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
22	155D5103010075	ĐINH CÔNG	TUẤN	02/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
23	135D5104010013	Trịnh Thị	Tâm	30/03/1995	Nữ	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
24	1151073715	Lê Hữu	Chính	08/09/1993	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
25	155D4802010031	PHẠM ĐÌNH	CÔNG	02/12/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
26	155D4802010174	NGUYỄN ĐÌNH	ĐẠI	13/02/1995	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
27	155D4802010064	NGUYỄN CÔNG	DANH	29/12/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
28	135D4802010181	Nguyễn Nhân	Đức	27/06/1992	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
29	155D4802010216	PHAN DUY	ĐỨC	29/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
30	155D4802010156	LÊ THỊ THÙY	DUNG	12/07/1996	Nữ	Giỏi	Công nghệ thông tin
31	155D4802010193	TRẦN VĂN	DƯƠNG	13/01/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
32	155D4802010059	NGUYỄN TIẾN	HIỆP	11/01/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
33	155D4802010172	TỪ ĐỨC	HOÀNG	22/11/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
34	155D4802010115	VÕ VĂN	HOÀNG	26/01/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
35	155D4802010111	NGUYỄN PHI	HÙNG	18/06/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
36	135D4802010039	Nguyễn Văn	Hùng	04/09/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
37	155D4802010170	BÙI XUÂN	HUY	17/06/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
38	155D4802010089	NGUYỄN THỊ BÍCH	LOAN	21/02/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
39	155D4802010066	NGUYỄN BÁ	LỘC	19/08/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
40	155D4802010183	PHAN THỊ	LONG	08/06/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
41	155D4802010187	NGUYỄN THỊ	LY	18/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
42	155D4802010199	NGUYỄN THỊ	MAI	27/01/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
43	155D4802010022	TRẦN QUỐC	MẠI	19/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
44	155D4802010021	BÙI ĐỨC	MẠNH	24/06/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
45	155D4802010071	NGUYỄN TIẾN	NAM	24/10/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
46	155D4802010207	TRẦN HOÀI	NAM	22/09/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
47	155D4802010087	ĐẶNG THỊ QUỲNH	NGỌC	22/12/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thông tin
48	155D4802010016	LÊ VĂN	NHÂN	22/08/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
49	155D4802010132	PHAN VĂN	PHÙNG	04/04/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
50	155D4802010084	NGUYỄN ĐÌNH	SINH	02/02/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
51	155D4802010040	NGUYỄN ĐOÀN LIÊN	SƠN	16/12/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
52	155D4802010157	NGUYỄN HỮU	THẮNG	06/10/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
53	155D4802010048	ĐƯỜNG ĐỨC	THANH	29/04/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
54	155D4802010018	LÊ ĐÌNH	THÀNH	26/08/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
55	155D4802010037	VÕ	THIỆN	12/06/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
56	155D4802010137	HOÀNG VĂN	TOÀN	11/12/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
57	155D4802010180	PHẠM HUYỀN	TRANG	06/05/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thông tin
58	155D4802010077	TRẦN QUANG	TUẤN	30/10/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
59	145D5401010073	Đinh Thị	Cúc	06/10/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
60	145D5401010052	Phan Thị	Hiệp	08/02/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
61	155D5401010023	TRỊNH THỊ	HƯƠNG	12/09/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
62	155D5401010008	HỒ THỊ	MAI	03/05/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
63	145D5401010046	Nguyễn Thị Thủy	San	25/07/1995	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
64	155D5401010020	TRẦN THỊ	THẢO	12/04/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
65	155D7601010096	Lô Văn	Hùng	30/08/1996	Nam	Trung bình	Công tác xã hội
66	155D7601010062	NGUYỄN THỊ LY	HƯƠNG	14/05/1996	Nữ	Khá	Công tác xã hội
67	165TDV400507	ĐINH QUANG	KHÁNH	18/06/1998	Nam	Khá	Công tác xã hội

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
68	165TDV400453	HOÀNG THỊ	MAI	01/09/1998	Nữ	Khá	Công tác xã hội
69	165TDV400393	LƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	23/01/1998	Nữ	Giỏi	Công tác xã hội
70	145D7601010037	Viêng Thị	Như	03/03/1993	Nữ	Trung bình	Công tác xã hội
71	165TDV400370	BÙI THỊ	TƯƠI	07/09/1998	Nữ	Khá	Công tác xã hội
72	165TDV400488	UÔNG KIỀU ÁNH	TUYẾT	02/08/1997	Nữ	Khá	Công tác xã hội
73	165TDV400607	XỒNG Y	XỒNG	10/10/1997	Nữ	Khá	Công tác xã hội
74	155D7601010009	THÁI THỊ HẢI	YẾN	26/07/1997	Nữ	Khá	Công tác xã hội
75	155D1402051047	TRẦN VĂN	ĐẠT	10/03/1995	Nam	Khá	Giáo dục chính trị
76	155D1402051044	HỒ ANH	THƯ	28/10/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục chính trị
77	155D1402051008	HOÀNG VIẾT	TRUNG	01/01/1996	Nam	Khá	Giáo dục chính trị
78	165D14020100126	TRƯƠNG THỊ	DUNG	07/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
79	165D14020100092	TRẦN THỊ	GIANG	10/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
80	165D14020100130	NGUYỄN THU	HÀ	06/03/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
81	155D1402010013	Lang Thị	Ly	04/09/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
82	155D1402011025	NGUYỄN THỊ	LÝ	26/03/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
83	155D1402011042	PHAN THỊ	MỪNG	11/02/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
84	165D14020110237	TRẦN THỊ THẢO	NGUYÊN	01/08/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
85	165D14020100106	TRẦN HOÀNG KIM	THƯ	12/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
86	155D1402011102	HỒ THỊ	THÚY	08/03/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
87	165D14020100177	SẦM THỊ HUYỀN	TRANG	19/07/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
88	165D14020100053	LÊ THU	UYÊN	15/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
89	155D1402011070	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	12/10/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
90	165D14020100035	VÕ THỊ	YẾN	03/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
91	186714020820014	Vũ Duy	Mạnh	26/10/1990	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
92	165TDV600134	LƯƠNG THỊ LAN	CA	20/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
93	165TDV600328	LỮ THANH	DŨNG	22/02/1997	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học
94	155D1402020016	Lữ Thị	Hiền	12/02/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
95	165TDV600139	LÝ THỊ	HUẾ	06/09/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
96	165TDV600014	LÔ THỊ	HUYỀN	06/06/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
97	165TDV600213	PHẠM THỊ NGỌC	HUYỀN	06/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
98	165TDV600017	PHAN THỊ	HUYỀN	08/12/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
99	135D1402020116	Hồ Cu	Linh	13/08/1986	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học
100	165TDV600202	KIM THỊ HƯƠNG	MƠ	26/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
101	155D1402021043	LỮ THỊ HOÀI	NGHĨA	08/12/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
102	155D1402020028	Ven Văn	Sáu	20/06/1996	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học
103	165TDV600120	LƯƠNG VĂN	TẤN	28/01/1997	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
104	155D1402131030	PHẠM THỊ THU	THẢO	03/04/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
105	145D1402020004	Viêng Thị Đài	Trang	21/11/1995	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
106	165TDV610376	NGÔ THỊ	TRINH	13/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
107	165TDV600209	LƯƠNG THỊ LÊ	VY	09/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
108	165TDV600123	VÕ THỊ	YẾN	22/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
109	155D3403010029	HỒ THỊ PHƯƠNG	ANH	15/08/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
110	165TDV100303	NGUYỄN CẢNH NGỌC	ÁNH	12/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
111	155D3403010003	LÊ CHÍ	CƯỜNG	07/05/1997	Nam	Trung bình	Kế toán
112	165TDV100158	TRẦN NGỌC	ĐỨC	10/10/1992	Nam	Khá	Kế toán
113	165TDV100412	NGUYỄN THỊ THUỲ	DUNG	27/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
114	155D3402010062	TRẦN PHAN THUỲ	DƯƠNG	13/05/1997	Nữ	Khá	Kế toán
115	165TDV100594	HOÀNG THỊ THUÝ	HẰNG	18/09/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
116	165TDV100376	LÊ THỊ	HẬU	06/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
117	165TDV100032	PHẠM THỊ	HUỆ	05/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
118	165TDV100371	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	06/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
119	165TDV100456	NGUYỄN NGỌC	LÊ	14/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
120	165TDV100413	NGUYỄN THỊ	LÊ	22/09/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
121	165TDV100308	BÙI NHẬT	LINH	15/02/1998	Nam	Khá	Kế toán
122	165TDV100648	TỐNG DIỆP	LINH	07/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
123	155D3403010249	TRẦN THỊ	LINH	10/11/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
124	165TDV100696	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	05/04/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
125	165TDV100286	VÕ THỊ	LOAN	10/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
126	165TDV100525	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	10/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
127	155D1402131014	NGUYỄN THỊ THUỲ	NGÂN	19/02/1997	Nữ	Khá	Kế toán
128	165TDV100149	PHAN THỊ KIỀU	NHƯ	30/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
129	165TDV100246	PHẠM THI	NHUNG	26/10/1997	Nữ	Khá	Kế toán
130	165TDV100195	ĐÀO THỊ MINH	PHƯƠNG	27/12/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
131	165TDV100664	NGUYỄN BÙI HÀ	PHƯƠNG	04/09/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
132	155D3403010459	Nguyễn Gia	Quân	16/08/1996	Nam	Trung bình	Kế toán
133	165TDV100075	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	21/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
134	165TDV100722	LÊ THỊ HỒNG	THẢO	12/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
135	165TDV100587	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	07/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
136	155D3403010080	TRẦN ANH	THƠ	26/10/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
137	165TDV100182	LÊ THỊ THANH	TRÀ	10/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
138	155D1402131026	ĐẶNG HOÀI	TRÂM	21/09/1997	Nữ	Khá	Kế toán
139	165TDV100200	LÊ HUYỀN	TRANG	16/01/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
140	165TDV100031	NGUYỄN THỊ	TRANG	19/03/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
141	165TDV100463	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	22/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
142	165TDV100198	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	04/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
143	165TDV100204	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	03/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
144	145D4801010024	Đặng Hồng	Sơn	21/08/1996	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính
145	145D4801010026	Phạm Bá	Thời	05/11/1996	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính
146	135D4801010005	Hoàng Anh	Trung	19/08/1994	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính
147	165TDV100558	NGUYỄN NGỌC	ANH	29/01/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
148	145D3101010065	Sung Văn	Dơ	12/09/1995	Nam	Trung bình	Kinh tế
149	155D3101010043	THÂN MINH	HẰNG	07/09/1997	Nữ	Khá	Kinh tế
150	145D3101010081	Trần Thị Thu	Hiền	16/11/1996	Nữ	Trung bình	Kinh tế
151	155D3101010049	NGUYỄN THỊ MỸ	THƯƠNG	25/06/1997	Nữ	Khá	Kinh tế
152	145D3101010007	Nguyễn Thị Bảo	Yến	19/02/1995	Nữ	Trung bình	Kinh tế
153	1051070471	Ngô Đức	Tùng	02/09/1992	Nam	Trung bình	Kỹ sư Công nghệ thông tin
154	155D5202070019	LÊ ANH	ĐỨC	28/03/1996	Nam	Giỏi	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
155	155D5202070021	LÊ ĐÌNH	DŨNG	20/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
156	155D5202072001	Trương Văn	Huy	09/12/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
157	155D5202070001	NGUYỄN NGỌC THUỲ	LINH	11/08/1997	Nữ	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
158	145D5202070030	Trương Thị Khánh	Linh	16/01/1996	Nữ	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
159	145D5202076001	Nguyễn Bá	Nam	13/11/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
160	155D5202070009	NGUYỄN THỊ	NGỌC	15/08/1997	Nữ	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
161	145D5202160130	Lương Hữu	Bình	28/12/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
162	155D5202160012	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	13/04/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
163	155D5202160031	NGÔ THÀNH	ĐẠT	13/04/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
164	145D5202160113	Trần Tuấn	Đạt	07/02/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
165	155D5202160061	HOÀNG TRỌNG	ĐỨC	20/01/1997	Nam	Xuất sắc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
166	155D5202160028	ĐÀO TRỌNG	HIẾU	21/01/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
167	155D5202160097	PHAN VĂN	HOÀNG	27/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
168	155D5202160071	NGUYỄN VĂN	HÙNG	21/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
169	155D5202160014	NGUYỄN BÁ	HUY	20/10/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
170	155D5202160047	NGUYỄN DUY	HUY	10/10/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
171	155D5202160098	TRẦN VĂN	KHUYÊN	03/04/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
172	155D5202160049	NGUYỄN NGỌC	KHUYẾN	02/09/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
173	145D5202160020	Trần Hoàng	Minh	20/08/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
174	155D5202160038	LÊ HỮU	NAM	10/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
175	155D5202160062	NGUYỄN VĂN	PHI	02/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
176	155D5202160056	PHẠM ĐỨC	PHÚ	02/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
177	155D5202160089	LÊ THÀNH	PHƯƠNG	19/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
178	135D5202160018	Hồ Hồng	Quân	02/08/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
179	155D5202160023	HỒ VĂN	QUÂN	30/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
180	155D5202160091	NGUYỄN VĂN	QUÂN	28/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
181	155D5202160021	LƯƠNG VĂN	QUYỀN	01/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
182	155D5202160072	LÊ ĐỨC	SƠN	23/08/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
183	155D5202160016	NGUYỄN VĂN	SỸ	27/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
184	145D5202160057	Bùi Anh	Tài	12/02/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
185	155D5202160058	TRẦN ĐÌNH	TÀI	10/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
186	155D5202160045	LÊ XUÂN	THÁI	26/04/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
187	155D5202160085	TRẦN VĂN	THẮNG	01/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
188	135D5202160105	Trần Đăng	Thiện	10/10/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
189	155D5202160092	LÊ CÔNG	TUẤN	16/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
190	155D5202160080	TẠ QUANG	TUẤN	20/06/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
191	155D5202160068	PHAN THANH	TƯỞNG	22/06/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
192	155D5202160002	NGUYỄN XUÂN	VƯỢNG	20/05/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
193	155D5802080217	HỒ NGỌC	DŨNG	23/03/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
194	155D5802080044	CAO XUÂN	HOÀNG	10/08/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
195	175D5802085001	Nguyễn Thế Tuấn	Mạnh	05/02/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
196	145D5802080071	Vương Đình	Nghĩa	15/09/1994	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
197	135D5802080081	Lưu Vương	Quốc	14/04/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
198	135D5802080142	Nguyễn Phong	Thanh	11/05/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
199	155D5802080042	PHAN BÁ	TÚ	20/11/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
200	135D5802050212	Trần Văn	Hạnh	04/06/1993	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
201	155D5802050062	PHAN TRỌNG	NGHĨA	05/02/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
202	135D5802050276	Trần Đoan	Nguyên	15/10/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
203	155D5802050006	LÊ CÔNG	QUÂN	18/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
204	135D5802050099	Trần Quốc	Thành	21/10/1994	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
205	155D3801010225	NGUYỄN THỊ KIỀU	ANH	21/09/1997	Nữ	Khá	Luật
206	165TDV400518	TRẦN ĐƯỜNG	ANH	19/11/1997	Nữ	Khá	Luật
207	145D3801010241	Xồng Bá	Cô	14/09/1991	Nam	Trung bình	Luật
208	165TDV400061	CAO TRỌNG	ĐẠI	07/11/1998	Nam	Trung bình	Luật
209	165TDV400315	VÕ QUANG	DẦN	08/03/1998	Nam	Khá	Luật
210	165TDV400609	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	GIANG	27/02/1997	Nữ	Khá	Luật
211	165TDV400285	DƯƠNG THỊ	GIANG	03/02/1998	Nữ	Trung bình	Luật

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
212	165TDV400283	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	20/04/1998	Nữ	Trung bình	Luật
213	165TDV400526	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HÀ	01/04/1998	Nữ	Khá	Luật
214	165TDV400311	NGUYỄN THỊ	HẰNG	17/02/1998	Nữ	Khá	Luật
215	165TDV400274	PHAN THỊ	HẰNG	08/04/1998	Nữ	Khá	Luật
216	165TDV400198	PHAN THỊ	HIẾU	10/08/1998	Nữ	Khá	Luật
217	1255031305	Nguyễn Thị	Hợp	24/10/1994	Nữ	Khá	Luật
218	165TDV400634	LÊ KHÁNH	HUYỀN	16/07/1998	Nữ	Trung bình	Luật
219	165TDV400616	LÊ THANH NGỌC	HUYỀN	07/11/1998	Nữ	Khá	Luật
220	155D3801010096	NGUYỄN THỊ MINH	HUYỀN	15/11/1997	Nữ	Khá	Luật
221	165TDV400231	ĐOÀN THỊ NHẬT	LỆ	30/11/1998	Nữ	Khá	Luật
222	155D3801010502	Kha Khăm	Ma	07/09/1995	Nam	Trung bình	Luật
223	165TDV400289	NGUYỄN QUỐC	MẠNH	31/05/1998	Nam	Khá	Luật
224	165TDV400575	NGUYỄN THỊ MAI	NHI	08/05/1998	Nữ	Khá	Luật
225	165TDV400334	DƯƠNG THỊ	PHƯƠNG	16/02/1997	Nữ	Khá	Luật
226	165TDV400047	TRẦN THẾ	QUANG	26/08/1998	Nam	Khá	Luật
227	165TDV400585	PHAN THỊ	TÂM	06/04/1998	Nữ	Khá	Luật
228	165TDV400293	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	15/08/1998	Nữ	Trung bình	Luật
229	165TDV400242	NGUYỄN THỊ	THUỶ	24/12/1998	Nữ	Khá	Luật
230	165TDV400205	ĐỖ THỊ	TRANG	20/10/1998	Nữ	Khá	Luật
231	155D3801010562	VI THỊ ĐÀM	TRANG	16/03/1997	Nữ	Khá	Luật
232	155D3801010361	NGUYỄN TIẾN	TÙNG	26/02/1996	Nam	Khá	Luật
233	155D3801010475	Nguyễn Hà	Uyên	21/07/1996	Nữ	Trung bình	Luật
234	135D2203420032	Phan Thị Khánh	Vân	23/02/1995	Nữ	Trung bình	Luật
235	165TDV400097	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	19/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
236	165TDV400103	PHAN NGỌC	ÁNH	22/07/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
237	155D3801070515	LÊ ĐỨC	CHÍNH	17/10/1996	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
238	155D3201010050	NGUYỄN CÔNG	DŨNG	18/07/1996	Nam	Khá	Luật kinh tế
239	165TDV400137	NGUYỄN THỊ	GÁI	09/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
240	165TDV400113	VÕ THỊ TRÀ	GIANG	04/07/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
241	165TDV400256	HOÀNG THỊ	HIỀN	02/05/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
242	165TDV400268	LÊ VIỆT	HOÀNG	25/05/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
243	155D3801070080	MAI THỊ	HUỆ	26/10/1997	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
244	165TDV400076	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	29/10/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
245	155D3801070150	DƯƠNG CÔNG	HỮU	08/08/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế
246	155D3801070156	NGÔ VĂN	HUY	14/06/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế
247	155D3801070544	PHAN THỊ	HUYỀN	20/08/1996	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
248	145D3801070050	Nguyễn Khánh Hà	Linh	31/08/1995	Nữ	Khá	Luật kinh tế
249	165TDV400362	LÊ GIA UYN	LONG	13/04/1995	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
250	155D3801070258	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	01/10/1997	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
251	165TDV400560	BÙI QUỐC	VIỆT	06/02/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
252	165D22020100016	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	07/09/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
253	155D4403017002	Jeexaiyang	Thortou	04/03/1996	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh
254	155D2202010092	NGÔ THỊ THƯƠNG	THƯƠNG	01/11/1997	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
255	155D6201092014	Cụt Văn	Hải	13/11/1997	Nam	Trung bình	Nông học
256	165TDV300015	Nguyễn Thị Kim	Hiên	10/02/1998	Nữ	Khá	Nông học
257	165TDV300076	Quang Văn	Tám	23/01/1998	Nam	Khá	Nông học
258	155D6201090025	Lô Thị	Tía	02/06/1993	Nữ	Khá	Nông học
259	165TDV300092	Nguyễn Thị	Uyên	03/09/1998	Nữ	Khá	Nông học
260	165TDV300090	Lỳ Bá	Xành	03/02/1997	Nam	Khá	Nông học
261	145D6203010030	Phùng Đức	Danh	06/04/1996	Nam	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản
262	165TDV300084	NGUYỄN NHƯ	ĐỐC	14/02/1997	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
263	165TDV300001	Tăng Văn	Mạnh	12/11/1997	Nam	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản
264	165TDV300067	Cao Thị	Thúy	09/11/1997	Nữ	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản
265	165TDV300074	ĐẶNG TRỌNG	TUẤN	16/08/1998	Nam	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản
266	165TDV300061	NGUYỄN THỊ	HẠNH	10/10/1998	Nữ	Khá	Quản lý đất đai
267	165TDV300043	ĐINH VĂN	HIỆP	12/11/1998	Nam	Khá	Quản lý đất đai
268	165TDV300012	LÔ VĂN	TOÀN	16/01/1998	Nam	Khá	Quản lý đất đai
269	145D8501010112	Vi Văn	Điệp	19/11/1995	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
270	155D8501010075	Nguyễn Thị Khánh	Hoa	19/05/1996	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
271	155D8501010074	Lô Ngọc	Hoàng	22/07/1995	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
272	1253076338	Nguyễn Đình	Hoàng	17/02/1994	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
273	165TDV300070	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	17/08/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
274	165TDV300010	NGUYỄN THỊ	MINH	01/11/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
275	155D8501010022	NGUYỄN THỊ	THU	20/08/1997	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
276	145D8501010136	Nguyễn Hữu	Trung	27/03/1996	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
277	155D2203420004	MAI THỊ THẢO	CHI	11/08/1997	Nữ	Trung bình	Quản lý văn hoá
278	145D2203420011	Phan Thị Thùy	Dung	28/04/1993	Nữ	Khá	Quản lý văn hoá
279	165TDV100494	BÙI GIA	CHÂU	29/05/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
280	165TDV100273	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	14/08/1998	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
281	155D3401010091	ĐẬU ĐỨC	ĐÔ	01/04/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
282	165TDV100444	PHAN NHẬT	HUY	14/11/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
283	165TDV100617	BÙI ĐÌNH	LƯƠNG	08/08/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
284	155D3401010111	BÙI ĐỨC	MẠNH	03/04/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
285	165TDV100263	NGUYỄN CÔNG	MẠNH	22/07/1998	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
286	165TDV100513	TRƯƠNG THỊ THÁI	PHƯƠNG	10/06/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
287	165TDV100433	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	22/08/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
288	1254003848	Trần Huy	Thắng	23/07/1993	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
289	145D3401010049	Hoàng Thị Phương	Thảo	02/03/1996	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
290	155D3401010159	HỒ THỊ HUYỀN	TRANG	18/12/1997	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
291	165TDV100392	NGUYỄN ĐÌNH	TUẤN	05/12/1997	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
292	145D3401010033	Trần Văn	Tý	20/09/1996	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
293	165TDV100579	ĐẶNG BÁ	VIỆT	02/05/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
294	165TDV100643	LÊ THỊ THÀNH	VINH	24/08/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
295	165TDV100725	TRẦN THỊ	XINH	28/12/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
296	165TDV600148	ĐẬU NGUYỄN HÀ	ANH	07/06/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Địa lý
297	165TDV600350	LÔ HỮU	ĐĂNG	14/03/1998	Nam	Khá	Sư phạm Địa lý
298	165TDV600341	NGUYỄN THỊ	HÒA	04/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
299	155D1402191019	NGUYỄN THỊ	NHIÊN	09/01/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
300	155D1402121040	TRỊNH THỊ HỒNG	HẠNH	23/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
301	165TDV500041	LÊ THỊ THANH	TÂM	07/09/1997	Nữ	Trung bình	Sư phạm Hóa học
302	165TDV500089	NGUYỄN THỊ	TRINH	30/08/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Hóa học
303	165TDV600307	ĐẬU THỊ	KIM	28/01/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Lịch sử
304	155D1402181033	NGUYỄN SỸ HỒNG	QUÂN	28/07/1996	Nam	Khá	Sư phạm Lịch sử
305	165TDV600261	NGUYỄN THỊ	GIANG	02/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
306	165TDV600095	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	12/08/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn
307	165TDV600119	HÀ THỊ	THẢO	03/01/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
308	155D1402131027	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LY	01/06/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
309	165D14023100022	LÊ THỊ	NGÂN	22/07/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
310	155D1402101009	TRẦN THỊ	HOÀI	14/11/1997	Nữ	Trung bình	Sư phạm Tin học
311	155D1402101034	VÕ HỒNG	LỰC	23/01/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Tin học
312	155D1402101019	NGUYỄN CÔNG	THẮNG	09/03/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Tin học
313	155D1402091018	LA VĂN	ÁNH	18/07/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học
314	165TDV500076	PHẠM THỊ THUÝ	DUNG	23/02/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
315	165TDV500116	DƯƠNG VÕ MAI	HƯƠNG	20/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
316	165TDV500134	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	02/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
317	165TDV500156	KHA MAY	PHÔM	14/09/1998	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học
318	165TDV500120	ĐẬU PHI	QUÂN	21/06/1998	Nam	Khá	Sư phạm Toán học
319	155D1402091064	TRẦN THỊ KHÁNH	QUỲNH	13/03/1997	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
320	165TDV500162	LÊ THỊ	THU	20/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
321	145D1402111110	Nguyễn Công	Bình	28/08/1996	Nam	Trung bình	Sư phạm Vật lý
322	155D1402111057	NGUYỄN THỊ HUYỀN	DIỆU	30/08/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
323	165TDV500151	CHU THỊ HOÀI	SÂM	09/03/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
324	165TDV100446	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	26/03/1998	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
325	165TDV100345	NGUYỄN NGỌC	DIỆP	10/01/1999	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
326	135D3402010085	Nguyễn Huy	Hoàng	03/07/1994	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
327	1252052492	Ngô Quang	Hùng	15/09/1994	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
328	155D3402010070	NGUYỄN QUANG	LINH	01/03/1997	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
329	165TDV100589	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	08/04/1998	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
330	165TDV100645	LÊ THỊ TRÀ	MY	04/04/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
331	155D3402010021	HOÀNG LÊ HOÀI	NAM	12/05/1997	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
332	165TDV100489	NGUYỄN THỊ TÚ	OANH	28/08/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
333	155D3402010084	TRẦN THỊ	OANH	10/04/1997	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
334	165TDV100233	NGUYỄN TIẾN	THÀNH	09/01/1998	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
335	165TDV100638	LÊ KHẮC	TRÀ	06/01/1998	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
336	165TDV400387	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	10/04/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
337	165TDV400369	ĐẶNG KHẮC	HẬU	25/03/1996	Nam	Khá	Việt Nam học
338	165TDV400377	TRẦN THỊ	HIỀN	16/07/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
339	155D2201130090	NGUYỄN HẢI	HÙNG	14/06/1995	Nam	Trung bình	Việt Nam học
340	165TDV400391	NGUYỄN THỊ	NHUNG	01/06/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
341	165TDV400451	LÊ ĐÌNH	SƠN	01/02/1994	Nam	Khá	Việt Nam học
342	165TDV400442	KHUẤT THỊ	THẮM	14/04/1997	Nữ	Khá	Việt Nam học
343	165TDV400417	NGUYỄN THỊ	TRÀ	02/03/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
344	165TDV400414	TRẦN THỊ	VÂN	05/03/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học

Danh sách có 344 sinh viên tốt nghiệp./.